TÒA ÁN NHÀÂN DÂN **TỈNHÀ BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnhà phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 09/6/2023
V/v: Tranhà chấp quyền sử dụng đất.

NHÀÂN DANHÀ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÀÂN DÂN TỈNHÀ BN

- THnhà phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tínhà.

Các Hội thẩm nhàân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

2. Ông Phạm Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanhà Huyền - Thư ký Tòa án nhàân dân tỉnhà BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhàân dân tỉnhà BN: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhàân dân tỉnhà BN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L3 số: 05/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về "Tranhà chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết địnhà đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 27/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Đìnhà L, sinhà năm 1964 (có mặt).

Bà Đoàn Thị C, sinhà năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn AĐ, xã LV, huyện TD, tỉnhà BN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà C: Ông Nguyễn Anhà Nghĩa, sinhà năm 1971; địa chỉ: Khu Thượng, phường Khắc Niệm, tHnhà phố BN, tỉnhà BN (theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2018; vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế H, sinhà năm 1961 (có mặt).

Bà Đặng Thị Th, sinhà năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn AĐ, xã LV, huyện TD, tỉnhà BN.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anhà Nguyễn Thế H1, sinhà năm 1981 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Th1, sinhà năm 1983 (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Ng, sinhà năm 1987 (vắng mặt).

4. Anhà Nguyễn Thế H2, sinhà năm 1990 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, chị Th1, chị Ng, anhà H2: Ông Nguyễn Thế H, sinhà năm 1961 và anhà Nguyễn Thế H1, sinhà năm 1981 (theo giấy ủy quyền ngày 22/3/2019; ông H có mặt, anhà H1 vắng mặt).

5. Cụ Đặng Thị Ph, sinhà năm 1940 (vắng mặt).

6. Chị Đặng Thị Ch, sinhà năm 1986 (vắng mặt).

7. Anhà Nguyễn Đìnhà L1, sinhà năm 1999 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anhà L1: Bà Đoàn Thị C đại diện tham gia tố tụng (có mặt).

8. Chị Đặng Thị L2, sinhà năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn AĐ, xã LV, huyện TD, tỉnhà BN.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L2: Ông Nguyễn Anhà Nghĩa, sinhà năm 1971; địa chỉ: Thôn T, phường K, tHnhà phố BN, tỉnhà BN (theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2019; vắng mặt).

9. Chị Đặng Thị Th2, sinhà năm 1994.

Địa chỉ: Thôn AĐ, xã LV, huyện TD, tỉnhà BN.

Hiện trú tại: Đài Loan

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th2: Ông Nguyễn Đìnhà L, sinhà năm 1964 và Đoàn Thị C, sinhà năm 1966 (có mặt).

10. Chị Đặng Thị L3, sinhà năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn TT, xã HS, huyện HH, tỉnhà BG (vắng mặt).

11. Chị Nguyễn Thị V, sinhà năm 1996.

Địa chỉ: Xóm TB, xã DT, huyện PB, tỉnhà TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài L có trong hồ sơ thì nội dung vụ án nhàư sau:

Nguyên đơn ông Đặng Đìnhà L, bà Đoàn Thị C trìnhà bày: Năm 1959, gia đìnhà ông bà có mua của cụ Nguyễn Thế Hoằng (bố ông H, bị đơn trong vụ án) ½ thửa đất. Thửa đất của cụ Hoằng ban đầu là 11 thước, bán cho gia đìnhà ông một nửa là 5,5 thước (tương đương 132m^2); nhà cụ Hoằng tiếp tục sử dụng phần đất 5,5 thước còn lại. Năm 1992, gia đìnhà ông bà làm nhà có chừa lại một phần đất cạnhà Đông Bắc. Lúc đó, ông H có hỏi mượn phần đất này, trên phần tường thì gác nhàờ trụ cổng, dưới đất ông H lát gạch cả phần đất đó. Năm 1998, gia đìnhà ông bà được NHÀ nước cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 236, tờ bản đồ 12P, diện tích 132m^2. Đến năm 2015, gia đìnhà

ông bà làm lại nhà nên đề nghị ông H phá dỡ phần gác nhàờ trụ cổng nhàưng ông H đã ngăn cản không cho xây. Chínhà quyền địa phương đã xem xét giải quyết và kết luận gia đìnhà ông bà thiếu đất. Quá trìnhà giải quyết vụ án, năm 2021 ông H đã sang nói chuyện và tự nguyện trả lại cho ông bà một phần diện tích, nên nay ông L, bà C đề nghị Tòa án buộc gia đìnhà ông H trả lại cho gia đìnhà ông bà phần đất lấn chiếm khoảng 8m^2. Tại phiên hòa giải ngày 02/3/2023, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc gia đìnhà ông H, bà Th phải trả lại diện tích lấn chiếm là 3m^2; tại phiên tòa ngày 09/6/2023, nguyên đơn tiếp tục thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc gia đìnhà ông H, bà Th phải trả diện tích lấn chiếm là 3,5m^2.

Bị đơn ông Nguyễn Thế H, bà Đặng Thị Th do ông Nguyễn Thế H là người đại diện theo ủy quyền trìnhà bày: Về nguồn gốc đất của gia đìnhà ông bà và gia đìnhà ông L là đất của bố mẹ ông. Sau cải cách ruộng đất gia đìnhà ông L thuộc tHnhà phần địa chủ nên bị tịch thu lại hết đất và không có đất ở. Do thương tìnhà em vợ (bố của ông L là em mẹ ông H) nên bố ông đã cho gia đìnhà ông L về ở nhàờ. Sau đó để tránhà mang tiếng ở nhàờ bố ông có nói bán cho gia đìnhà ông L một phần đất, việc bán đất chỉ là nói miệng với nhàau không có văn bản giấy tờ gì. Thửa đất hiện nay gia đìnhà ông đang sử dụng là thửa số 214, tờ bản đồ số 12P, diện tích 140m^2 do UBND huyện TD cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất ngày 05/12/1998 mang tên hộ ông Nguyễn Thế H. Từ khi được cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đến nay, hai gia đìnhà vẫn sử dụng ổn địnhà, trên cơ sở mô mốc từ trước không có ai lấn sang đất của ai. Nên ông không chấp nhàận việc khởi kiện của ông L, bà C.

Nhàững người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trìnhà bày:

Cụ Đặng Thị Ph trìnhà bày: Gia đìnhà cụ Hoằng và cụ Tất là bố mẹ nuôi của ông H có thửa đất 11 thước khoảng 264m^2. Do không có nhàu cầu sử dụng hết nên cụ Hoằng và cụ Tất bán cho cụ Ph ½ diện tích trên vào năm 1959. Khi mua bán, hai bên chỉ áng chừng phần diện tích chuyển nhàượng, không đo vẽ cụ thể. Do thời gian đã lâu, cụ Ph cũng không nhàớ rõ giá chuyển nhàượng là bao nhàiêu, hai bên có làm giấy tờ chuyển nhàượng nhàưng do ảnhà hưởng của trận lũ năm 1971 nên hiện không còn lưu giữ được. Nay vợ chồng ông L, bà C khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông gia đìnhà ông H trả lại phần đất lấn chiếm thì cụ nhàất trí và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị L3, chị Nguyễn Thị Th2, chị Nguyễn Thị Là và anhà Đặng Đìnhà L1 do ông Đặng Đìnhà L, bà Đoàn Thị C và ông Nguyễn Anhà Nghĩa là người đại diện theo ủy quyền trìnhà bày: Anhà chị là con của ông L, bà C. Anhà chị đều xác địnhà không liên quan gì và cũng không đóng góp công sức gì đối với khối tài sản là thửa đất do bố mẹ anhà chị tạo lập hiện đang tranhà chấp với gia đìnhà ông H, bà Th. Anhà chị ủy quyền

cho ông L, bà C và ông Nghĩa toàn quyền quyết địnhà mọi vấn đề liên quan trong vụ án.

Anhà Nguyễn Thế H1, chị Nguyễn Thị Th1, chị Nguyễn Thị Ng và anhà Nguyễn Thế H2 do anhà Nguyễn Thế H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Anhà chị là con của ông H, bà Th. Anhà chị đều xác địnhà không liên quan gì và cũng không đóng góp công sức gì đối với khối tài sản do bố mẹ anhà chị tạo lập. Sau khi ông L, bà C xây dựng nhà năm 2015, diện tích đất của gia đình anhà chị hiện do bố mẹ anhà chị sử dụng không có biến động tăng so với diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qúa trình sử dụng, hai gia đình không có tranh chấp gì về mốc giới, ranh giới; giữa hai gia đình được phân định bằng móng nhà của hai bên và tường xây ngăn giữa hai nhà do ông L xây dựng. Anhà chị cho rằng việc ông L, bà C khởi kiện yêu cầu gia đình anhà chị phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là không có căn cứ.

Ngày 10/5/2018, Tòa án nhân dân huyện TD đã tiến Hành xem xét thẩm định tại chỗ, tuy nhiên do ông H không đồng ý cho đào phần đất ngầm nên Hội đồng chưa xác định được mốc giới của 02 thửa đất tại điểm cổng ngõ nhà ông H, bà Th.

Theo chứng thư thẩm định giá số: 180953/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 10/5/2018 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam thì giá trị quyền sử dụng đất tại vị trí tranh chấp thuộc thôn AĐ, xã LV, huyện TD, tỉnh BN tại thời điểm định giá có giá trị là 1.800.000đ/m^2.

Ngày 19/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh BN tiến Hành xem xét thẩm định tại chỗ theo đề nghị của phía nguyên đơn: Tại vị trí có tranh chấp, năm 2021 gia đình ông Đặng Đình L xây dựng 01 tường gạch ngăn 02 thửa đất của ông L, bà C với ông H, bà Th. Trên bức tường gia đình ông L xây, gia đình ông H đang gối nhờ tấm bê tông, phần sân gạch tại vị trí tranh chấp là do gia đình bà Th, ông H lát năm 1992.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông H, bà Th phải trả diện tích lấn chiếm là 3,5m^2.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp Hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ L3 vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự; Điều 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án, xử; Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C.

Ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí dịch thuật, chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài L, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2017 ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thế H, bà Đặng Thị Th phải trả lại cho ông bà phần diện tích đất lấn chiếm là khoảng 8m^2. Tại phiên hòa giải ngày 02/3/2023, bà Đoàn Thị C thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thế H, bà Đặng Thị Th phải trả lại cho ông bà phần diện tích đất lấn chiếm là khoảng 3m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông H, bà Th phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 3,5m^2. Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án được xác định là "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Về thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết do có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị Th2 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên ngày 24/9/2018 Tòa án nhân dân huyện TD đã có quyết định chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BN.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Nguyễn Thế Hưng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có mặt đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến Hành xét xử vắng mặt những người trên, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét về nguồn gốc thửa đất: Theo ông Đặng Đìnhà L, bà Đoàn Thị C trìnhà bày, năm 1992, gia đìnhà ông bà làm nhà có chừa lại một phần đất cạnhà Đông Bắc của thửa đất. Sau đó ông Nguyễn Thế H có hỏi mượn phần đất này, trên phần tường thì ông H gác nhàờ trụ cổng, dưới đất ông H lát gạch cả phần đất đó. Năm 1998, gia đìnhà ông bà được NHÀ nước cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 236, tờ bản đồ 12P, diện tích 132m^2. Đến năm 2015, gia đìnhà ông bà làm lại nhà nên đề nghị ông H phá dỡ trụ cổng nhàưng ông H đã ngăn cản không cho xây. Chínhà quyền địa phương đã xem xét giải quyết và kết luận gia đìnhà ông bà thiếu đất. Trong thời gian thời gian Tòa án giải quyết vụ án, năm 2021 ông H đã sang nói chuyện và tự nguyện trả lại cho ông bà một phần diện tích, nên ông L, bà C đề nghị Tòa án buộc gia đìnhà ông H, bà Th trả lại cho gia đìnhà ông bà phần đất lấn chiếm khoảng 3,5m^2.

Trong quá trìnhà giải quyết vụ án các đương sự đều trìnhà bày: 02 thửa đất của gia đìnhà ông L, bà C và gia đìnhà ông H, bà Th trước đây là đất của cụ Nguyễn Thế Hoằng (bố ông H). Thửa đất của cụ Hoằng ban đầu có 11 thước, năm 1959, cụ Hoằng bán cho cụ Ph (mẹ ông L) ½ thửa đất. Về nội dung này, cụ Ph và ông H đều trìnhà bày, khi mua bán hai bên chỉ áng chừng phần diện tích chuyển nhàượng, không đo vẽ cụ thể. Do thời gian đã lâu, cụ Ph cũng không nhàớ rõ giá chuyển nhàượng là bao nhàiêu, hai bên có làm giấy tờ chuyển nhàượng nhàưng do ảnhà hưởng của trận lũ năm 1971 nên hiện không còn lưu giữ được. Sau đó, chínhà ông L là người xây tường bao quanhà thửa đất của gia đìnhà mìnhà. Nhàư vậy, khi cụ Hoằng chuyển nhàượng quyền sử dụng đất cho cụ Ph, hai bên chỉ áng chừng khoảng ½ thửa đất (mỗi bên 5,5 thước) mà không có việc đo đạc tứ cận, bàn giao đất. Do đó, không có căn cứ để xác địnhà tứ cận, diện tích của 02 thửa đất thời điểm này.

Về trìnhà tự thủ tục cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất và quá trìnhà sử dụng đất: Từ năm 1997 đến năm 1998, NHÀ nước tiến Hnhà cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên theo nguyên tắc tự kê khai, ông Đặng Đìnhà L làm đơn đăng ký để được cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đối với diện tích 132m^2, ông Nguyễn Thế H làm đơn đăng ký để được cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đối với diện tích 140m^2. Quá trìnhà cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên đều thực hiện theo đúng trìnhà tự, thủ tục theo quy địnhà pháp luật. Từ khi được cấp giấy chứng nhàận quyền sử dụng đất ông L, bà C không có khiếu nại, kiến nghị gì đối với diện tích đất được cấp là 132m^2. Từ thời điểm gia đìnhà ông H bán đất cho cụ Ph (mẹ ông L) đến nay, hộ ông H và hộ ông L vẫn sử dụng đất, không có tranhà chấp gì với các hộ liền kề về diện tích và phần giáp ranhà thửa

đất. Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông L, bà C đề nghị Tòa án buộc gia đình bà H, bà Th trả lại cho gia đình bà phần đất lấn chiếm là 3,5m^2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hồ sơ thửa đất hộ ông L, bà C có tứ cận phía Tây có 01 đoạn dài 6,4m giáp thửa đất của hộ ông Kiên và 01 đoạn dài 1,1m giáp thửa đất của hộ ông Huỵch; phía Bắc giáp thửa đất của hộ ông H, bà Th dài 17,3m; phía Nam giáp ngõ đi dài 16,3m; phía Đông giáp đường bê tông dài 7,4m. Hộ ông H, bà Th có tứ cận phía Tây giáp thửa đất của hộ ông Huỵch dài 7,3m; phía Bắc giáp ngõ đi dài 17,9m; phía Nam giáp thửa đất của hộ ông L, bà C dài 17,3m; phía Đông giáp đường bê tông dài 8,5m.

So sánh kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông L, bà C thấy: Thửa đất của hộ ông L, bà C có tứ cận phía Tây (theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01 đoạn dài 6,4m giáp thửa đất hộ ông Kiên và 01 đoạn dài 1,1m giáp thửa đất hộ ông Huỵch; Hiện trạng: 7,61m). Phía Bắc (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 17,3m; Hiện trạng: 01 đoạn dài 10,41m và 01 đoạn dài 6,64m); phía Nam (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 16,3m; Hiện trạng: 01 đoạn dài 10,29m và 01 đoạn dài 5,93m); phía Đông (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 7,4m; Hiện trạng: 7,79m).

So sánh kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông H, bà Th thấy: Thửa đất của hộ ông H, bà Th có tứ cận phía Tây (theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 7,3m; Hiện trạng: 7,73m). Phía Bắc (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 17,9m; Hiện trạng: 01 đoạn dài 10,88m và 01 đoạn dài 7,05m); phía Nam (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 17,3m; Hiện trạng: 01 đoạn dài 10,41m và 01 đoạn dài 6,64m); phía Đông (hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 8,5m; Hiện trạng: 01 đoạn dài 5,5m và 01 đoạn dài 2,52m).

Như vậy, theo kết quả đo đạc hiện trạng với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thửa đất của cả hai hộ gia đình đều bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể hộ ông H từ 140m^2 còn 137,14m^2; hộ ông L từ 132m^2 còn 128m^2; về kích thước các cạnh thì cạnh phía Bắc của thửa đất hộ ông L, bà C giáp thửa đất của hộ gia đình ông H, bà Th giảm 0,25m và cạnh phía Nam giáp ngõ đi giảm 0,08m; các cạnh còn lại đều biến động tăng. Theo hồ kỹ thuật thửa đất của hộ gia đình ông L, bà C và ông H, bà Th ranh giới thể hiện là một đường thẳng. Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BN thì phần đất tiếp giáp (bức tường rào ngăn cách giữa hai gia đình) do ông L xây

dựng có một đoạn xây lùi vào phần đất hộ ông L, bà C có diện tích là 0,66m^2 và phần diện tích này vẫn là khoảng trống giữa hai thửa đất. Tại phiên tòa, bà C cho rằng khi xây bức tường rào gia đình bà đã bớt một phần đất giáp với thửa đất của gia đình ông H khoảng 30cm để chừa giọt ranh nhưng bà C không đưa ra được căn cứ chứng minh. Như vậy, không có căn cứ cho rằng hộ ông H, bà Th đã lấn chiếm phần diện tích 0,66m^2 này. Ngoài ra, theo đơn khởi kiện ông L, bà C yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông H, bà Th trả lại diện tích 3,5m^2 chạy dọc phía Đông Bắc của thửa đất số 236 của ông L, bà C. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí dịch thuật và 11.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản (xác nhận ông L, bà C đã nộp đủ). Ông L không phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 39, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L3 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C về việc buộc ông Nguyễn Thế H, bà Đặng Thị Th phải trả cho ông L, bà C diện tích đất lấn chiếm là 3,5m^2.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C phải chịu phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí dịch thuật và 11.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản (xác nhận ông L, bà C đã nộp đủ).

Ông L, bà C không phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Hoàn trả ông L, bà C số tiền 200.000 đồng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004433 ngày 11/4/2019 của Cục Thi Hành án dân sự tỉnh BN.

3. Về án phí: Ông Đặng Đình L, bà Đoàn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông L đã nộp 600.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000220 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện TD. Hoàn trả ông L, bà C 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhàận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhàận:
- TAND Cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnhà BN;
- Cục THADS tỉnhà BN;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tínhà

THNHÀ VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Xuyến

Phạm Kiên Cường

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tínhà